TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc và ông Lê Dũng Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 352B, Tổ x, ấp T.T y, xã P.L huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Tấn L** – sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 352B, Tổ x, ấp T.T y, xã P.L huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Đ và anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 19/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh L thường hay ghen vô cớ nên nhiều lần đe dọa chửi bới chị, chị khuyên can nhưng anh không thay đổi, ngoài ra chị còn mâu thuẫn với phía người thân gia đình của anh L. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đã không còn chung sống từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh.

- Về nuôi con: Chị Đ trình bày có 02 (Hai) con chung là Lâm Thị D – sinh ngày 07/11/2007 và Lâm Hoàng A – sinh ngày 28/10/2009. Chị đồng ý giao các

con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Đ trình bày chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lâm Tấn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2020 do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, chị có mâu thuẫn với người thân gia đình anh nhưng anh không can thiệp hòa giải, bản thân anh nóng tính nên nhiều lần đe dọa và gây áp lực tinh thần cho chị. Anh chị không còn sống chung từ tháng 7/2020. Thấy tình cảm vẫn còn và mong muốn có cơ hội đoàn tụ gia đình, vì vậy chị yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về nuôi con: Anh L thừa nhận có 02 (Hai) con chung là Lâm Thị D – sinh ngày 07/11/2007 và Lâm Hoàng A – sinh ngày 28/10/2009. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị, thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh L trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Về hôn nhân: Cho chị Đ được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao cho anh L trực tiếp nuôi các con chung, tạm thời chị Đ chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Anh chị trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Lâm Tấn L có nơi cư trú tại xã P.L huyện T.P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh L, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị Đ là nguyên đơn và anh L là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự có mặt tại phiên hòa giải nhưng không thống nhất được toàn bộ nội dung các vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đ và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.L huyện T.P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 19/7/2007. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị Đ trình bày trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, nghi ngờ lẫn nhau. Từ tháng 7/2020 đến nay, anh chị đã không còn chung sống, đã nói chuyện để tự hòa giải nhưng không thành. Anh L trình bày thừa nhận anh chị có mâu thuẫn, bản thân anh có nóng tính nên nhiều lần hăm dọa chị, không can ngăn việc mâu thuẫn giữa chị và người thân gia đình của anh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh L cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị Đ và anh L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị Đ và anh L thỏa thuận trường hợp ly hôn thì giao cho anh trực tiếp nuôi các cháu Lâm Thị D – sinh ngày 07/11/2007 và Lâm Hoàng A – sinh ngày 28/10/2009, tạm thời chị chưa phải cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống tháng 7/2020,

các con chung đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân anh có trách nhiệm chăm sóc và đủ khả năng nuôi dưỡng. Đối với các cháu D, A là con đủ 07 (bảy) tuổi trở lên đều có nguyện vọng muốn ở với anh L. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của các đương sự có cơ sở để ghi nhận.

- Về tài sản: Chị Đ và anh L trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Lâm Tấn L.

- Về nuôi con: Giao cho anh Lâm Tấn L trực tiếp nuôi các con chung là Lâm Thị D – sinh ngày 07/11/2007 và Lâm Hoàng A – sinh ngày 28/10/2009, tạm thời chị Đ chưa phải cấp dưỡng cho con.

Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lâm Tấn L trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003554 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P.L (Số 59, ngày 19/7/2007) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng